

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06/3/2024

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Bích Sơn

Các Thẩm phán:

1. Bà Đặng Mạnh Đoàn Trang
2. Ông Phạm Công Toại

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Ông Phạm Huy Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28/02 và 06/3/2024, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm Vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 117/2023/TLP23-OT03T-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc: “Ly hôn”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 3389/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2024/QĐ-PT ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1354/QĐ-PT ngày 26/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Việt K, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: 16B/1 đường Y, Phường H, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 02 L, phường Đ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Trịnh Huyền T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 7 D, tổ N, khu phố S, phường P, thành phố Thủ

Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 42 đường B, khu dân cư G, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Taninaka Y, sinh năm 1976, quốc tịch: Nhật Bản (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Căn hộ LP23-OT03 P, đường C, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung vụ án của bản án sơ thẩm như sau:

Theo trình bày của nguyên đơn ông Đỗ Việt K: Ông và bà Trịnh Huyền T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/2002.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng sau đó bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Càng về sau mâu thuẫn ngày càng nhiều khiến cuộc sống gia đình nặng nề, không thể nói chuyện, chia sẻ với nhau. Ông đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, bà T ngày càng không tôn trọng ông, ảnh hưởng tiêu cực đến việc nuôi dạy con. Đến tháng 10/2019, khi căng thẳng diễn ra đến đỉnh điểm, dẫn đến những tranh cãi gay gắt giữa hai bên, khiến hôn nhân không thể cứu vãn, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên ông đã sống ly thân, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Đỗ Huyền Minh A, sinh ngày 22/5/2015. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông thay đổi yêu cầu, đồng ý giao con chung Đỗ Huyền Minh A cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con, đồng ý cấp dưỡng nuôi con 10,000,000 đồng/tháng từ khi có bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tạo lập được 03 tài sản chung gồm: Căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ: 42 đường B, khu dân cư G, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Căn hộ số LP23-OT03, Dự án P, số đường C, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 xe ô tô Honda Civic mang biển số X.

bà T đang quản lý, sử dụng căn nhà số 42 Đường 9B, Khu dân cư G. Ông đang quản lý căn hộ số LP23-OT03, Dự án P (hiện ông K đang cho ông

Taninaka Y thuê căn hộ) và sử dụng chiếc xe ô tô Honda Civic mang biển số X.

Ông K là người giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu căn nhà số 42 Đường 9B, Khu dân cư G, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận xe ô tô Honda Civic mang biển số X. Riêng hợp đồng mua bán căn hộ số LP23-OT03, Dự án P đã bị thất lạc chưa tìm được.

Ông thống nhất với bà T về giá trị tài sản tranh chấp, cụ thể: Căn nhà và đất tại số 42 Đường 9B, Khu dân cư G có giá 20,000,000,000 đồng; Căn hộ số LP23-OT03, Dự án P có giá 5,000,000,000 đồng; Xe ô tô Honda Civic mang biển số X có giá 600,000,000 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 25,600,000,000 đồng. Ông không yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục định giá.

Toàn bộ tài sản mà hai vợ chồng tạo lập đều là do phần lớn công sức đóng góp của ông. Ông muốn hai bên tự thỏa thuận về việc chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do bà T tranh chấp nên ông đề nghị Tòa án chia theo tỷ lệ bằng nhau giữa hai người.

Về nợ chung: Không có.

Theo trình bày của bị đơn bà Trịnh Huyền T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất với lời trình bày của ông K về thời điểm các bên xác lập quan hệ hôn nhân và con chung. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2018, bà tình cờ phát hiện ông K có quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác. Bà đã có những trao đổi thẳng thắn, khuyên nhủ chồng dừng mối quan hệ không đúng đắn này để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, ông K vẫn tiếp tục mối quan hệ ngoài luồng này. Đến ngày 18/10/2019, ông K lái xe đi làm, không quay về nhà và cắt đứt liên lạc với bà. Bà đã nói sự việc này cho bố mẹ chồng và hỏi về thông tin của ông K nhưng vẫn không được biết. Sau đó thông qua một người bạn bà biết được ông K hiện đang sống trong căn chung cư của bố mẹ chồng tại Khu dân cư G, phường P, thành phố Thủ Đức. Trong suốt thời gian hai vợ chồng sống ly thân, bà vẫn cố gắng tìm mọi cách để liên lạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà luôn giữ hình ảnh và danh dự cho ông K, không có bất cứ hành động nào làm ảnh hưởng đến ông K. Bà đã một mình đi làm để duy trì tài chính và nuôi dạy con gái trong khi ông K không có sự hỗ trợ về tài chính hay chăm sóc con. Nay ông K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà không đồng ý vì bà vẫn còn yêu ông K, mong muốn hàn gắn tình cảm và muốn con gái có một gia đình trọn vẹn.

- Về con chung: Hiện bà đang là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Minh A. Trường hợp buộc phải ly hôn theo quyết định của Tòa án, bà yêu cầu được nuôi con. Chi phí thực tế cho việc nuôi con vào khoảng 33,000,000

đồng/tháng nên bà yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 25,000,000 đồng/tháng, yêu cầu cấp dưỡng một lần, tính từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con học xong đại học là 5,400,000,000 đồng.

- Về tài sản chung: Bà thống nhất với ông K về việc xác định số tài sản chung, tình trạng sử dụng tài sản và giá trị tài sản. Về công sức đóng góp thì cả hai vợ chồng đều ngang nhau. Tài sản được tạo lập đều từ thu nhập chung của vợ chồng. Tuy nhiên, do ông K là người chủ động ly hôn, bà muốn được giữ tài sản cho con nên đề nghị Tòa án công nhận toàn bộ tài sản trên thuộc quyền sở hữu của bà.

- Về nợ chung: Không có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Taninaka Y trình bày:

Ông xác nhận đang cư trú tại Căn hộ số LP23-OT03, Dự án P, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông không có yêu cầu độc lập trong vụ án và sẽ chấp hành việc bàn giao căn hộ này cho người được chỉ định theo yêu cầu của Tòa án.

Bản án sơ thẩm số 3389/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Việt K và một phần yêu cầu phản tố của bà Trịnh Huyền T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Việt K về việc được ly hôn bà Trịnh Huyền T. Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/2002 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Đỗ Việt K và bà Trịnh Huyền T về việc giao con chung chưa thành niên tên Đỗ Huyền Minh A, sinh ngày 22/5/2015 cho bà Trịnh Huyền T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Ông Đỗ Việt K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Đỗ Huyền Minh A 12,000,000 đồng/tháng kể từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Buộc ông Đỗ Việt K thực hiện việc cấp dưỡng một lần cho trẻ Đỗ Huyền Minh A kể từ tháng 11 năm 2019 đến tháng 8 năm 2023 số tiền 552,000,000 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 9 năm 2023 được thực hiện hàng tháng.

...

1.3. Về tài sản chung:

- Xác định nhà đất tọa lạc tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 70, địa chỉ: Số 42 Đường 9B, Khu dân cư G, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 10/12/2015 trị giá 20,000,000,000 đồng; căn hộ số LP23-OT03, Dự án P, số 208 đường C, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán căn hộ số LP23-OT03 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng L (nay là: Công ty Cổ phần V) với ông Đỗ Việt K, bà Trịnh Huyền T ngày 26/7/2016 trị giá 5,000,000,000 đồng; Xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic mang biển số X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 241042 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2017 trị giá 600,000,000 đồng là tài sản chung thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Việt K và bà Trịnh Huyền T trong thời kỳ hôn nhân. Tổng giá trị tài sản chung là 25,600,000,000 đồng. ông K, bà T mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên, tương ứng với số tiền 12,800,000,000 đồng.

- Giao cho bà Trịnh Huyền T được toàn quyền sử dụng nhà đất tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 70, địa chỉ: Số 42 Đường 9B, Khu dân cư G, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 10/12/2015.

Bà Trịnh Huyền T phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đỗ Việt K số tiền 7,241,676,115 đồng.

Sau khi bà T thực hiện xong việc thanh toán cho ông K, ông K phải có nghĩa vụ bàn giao cho bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất cấp ngày 10/12/2015. Bà Trịnh Huyền T được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký biến động quyền sử dụng đối với tài sản trên.

Trường hợp ông Đỗ Việt K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trịnh Huyền T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Giao cho ông Đỗ Việt K được toàn quyền sử dụng căn hộ số LP23-OT03, Dự án P, số 208 đường C, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán căn hộ số LP23-OT03 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng L (nay là: Công ty Cổ phần V) với ông

Đỗ Việt K, bà Trịnh Huyền T ngày 26/7/2016 và xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic mang biển số X theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 241042 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2017.

Ông Đỗ Việt K được quyền liên hệ chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng L (nay là: Công ty Cổ phần V) để điều chỉnh thông tin chủ sở hữu căn hộ, thực hiện nghĩa vụ đóng 5% giá bán căn hộ, tương ứng số tiền 83,352,229 đồng khi được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô theo quy định của pháp luật.

- Ông Taninaka Y có nghĩa vụ bàn giao căn hộ số LP23-OT03, Dự án P, số 208 đường C, Phường H, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Đỗ Việt K khi ông K có yêu cầu.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết quan hệ tài sản chung.”

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/9/2023, bà Trịnh Huyền T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 14/9/2023, ông Đỗ Việt K kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đỗ Huyền Minh A; về cấp dưỡng giảm xuống là 7.000.000 đồng/tháng và xem xét lại thời gian cấp dưỡng vì kể từ khi ly thân ông vẫn đóng các chi phí nuôi con; về tài sản chung yêu cầu chia tài sản theo công sức đóng góp, ông được hưởng 70% giá trị tài sản, bà T hưởng 30%.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Về con chung ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đỗ Huyền Minh A; nếu bà T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Minh A, ông sẽ cấp dưỡng 7.000.000 đồng/tháng, đề nghị Tòa án xem xét lại thời gian cấp dưỡng vì kể từ khi ly thân ông vẫn đóng các chi phí nuôi con; về tài sản chung yêu cầu chia tài sản theo công sức đóng góp, ông được hưởng 70% giá trị tài sản, bà T hưởng 30%.

bà T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bà vẫn còn tình cảm với ông Đỗ Việt K. Bà mong muốn ông K hãy suy nghĩ lại để trở về đoàn tụ, vợ chồng cùng tập trung chăm sóc, giáo dục cho con chung, con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ. Bà đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm,

không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K. Nếu ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Đỗ Huyền Minh A. Ông Đỗ Việt K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung yêu cầu được chia theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của bà Trịnh Huyền T nhận thấy: bà T vẫn còn yêu thương Đỗ Việt K và mong muốn ông K quay trở lại đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc cho con. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông K chưa đến mức trầm trọng và vẫn có thể hàn gắn được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Việt K về việc xin ly hôn. Chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Huyền T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Việt K. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đỗ Việt K nên không xem xét đến nội dung con chung, tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe sự trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

Xét thấy, việc kháng cáo và nộp biên lai tạm ứng án phí đều được các đương sự thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các đương sự

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Việt K và bà Trịnh Huyền T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 16/5/2002 của Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. ông K và bà T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên việc kết hôn của ông K và bà T là hợp pháp.

[2.2] ông K khởi kiện yêu cầu ly hôn vì cho rằng giữa vợ chồng có mâu thuẫn, chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách giữa các bên không

phù hợp dẫn đến tranh cãi gay gắt làm không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng.

[2.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T không đồng ý ly hôn, bà thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn như các gia đình khác nhưng mâu thuẫn không quá nghiêm trọng như ông K trình bày, chủ yếu đến từ những tranh cãi do chưa hiểu và tôn trọng nhau, bản thân bà cũng thừa nhận có một phần lỗi nên bà mong muốn được ông K cho cơ hội để sửa chữa, khắc phục. Bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì bà còn tình cảm với ông K và con chung của bà và ông K còn nhỏ, cần có sự chăm sóc của cả cha và mẹ.

[2.4] Cả hai bên đều thừa nhận để có được trẻ Đỗ Huyền Minh A là cả hành trình cố gắng nỗ lực trong suốt nhiều năm của cả vợ và chồng, cả hai bên đều thể hiện tình yêu thương và mong muốn dành sự tốt đẹp nhất cho con chung.

[2.5] Tại Bản tự khai ngày 12/8/2022, trẻ Đỗ Huyền Minh A bày tỏ mong muốn cha mẹ đoàn tụ với nhau, cháu muốn được sống chung với cả cha và mẹ.

Xét thấy, giữa ông Đỗ Việt K và bà Trịnh Huyền T có tồn tại mâu thuẫn, chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống, chưa đến mức trầm trọng nên vẫn có thể hàn gắn, các bên chưa vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trẻ Đỗ Huyền Minh A là con chung của ông bà đang trong độ tuổi vị thành niên, độ tuổi rất quan trọng trong việc hình thành nhân cách sau này. Đây là giai đoạn trẻ Minh A cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả bà T và ông K. Để tạo điều kiện tốt nhất và đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Minh A, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần thì cần xem xét đến nguyện vọng của trẻ Minh A. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Huyền T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Việt K về việc xin ly hôn bà Trịnh Huyền T.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Việt K nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết các yêu cầu về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đỗ Việt K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông K không được chấp

nhận nên ông K phải chịu; kháng cáo của bà T được chấp nhận nên bà T không phải chịu, hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho bà T.

- Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 8.000.000 đồng do bà T nộp theo phiếu thu ngày 13/12/2020. Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 157 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì ông K là người phải chịu. Vì vậy ông K có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà T số tiền 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Việt K; chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Huyền T, sửa bản án sơ thẩm:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Việt K về việc xin ly hôn bà Trịnh Huyền T.

2. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Việt K nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Việt K nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Đỗ Việt K phải chịu nhưng được cản trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông K đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 0025399 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Việt K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trịnh Huyền T số tiền tạm ứng án phí là 63.800.000 (sáu mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí số 0028620 ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Việt K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được cản trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0004727 ngày 19/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Đỗ Việt K đã nộp đủ.

Bà Trịnh Huyền T không phải chịu, hoàn lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0004728 ngày 19/9/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về chi phí tố tụng khác: Ông Đỗ Việt K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trịnh Huyền T số tiền 8.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa trả số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền gốc chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (Xuân/16)

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Bích Sơn